

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/KDTM-ST

Ngày: 18-9-2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh B

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Văn Chế

Ông Nguyễn Văn Phiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Giàng Chấn Sò - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại, thụ lý số 13/2023/TLST-KDTM ngày 23/3/2023, về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-KDTM ngày 10/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện L; địa chỉ: Tòa nhà Thaiholdings Tower, 210 đường T, phường C, quận H, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Đức N - Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 13 phường N, TP.Hà Giang, tỉnh Hà Giang (QĐ ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L về việc ủy quyền hoạt động tố tụng đối với giám đốc chi nhánh); đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức N - Phó Giám đốc (Quyết định ủy quyền số 510A/QĐ-HG-HĐTD, ngày 28/3/2023, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Mạnh H; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2023; Bản tự khai ngày 29/3/2023 và quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 17/3/2022, Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang (sau đây viết tắt là NH L) và bà Nguyễn Thị B ký hợp đồng tín dụng số HĐTD67C202229 (sau đây viết tắt là HĐ 67), theo nội dung của HĐ 67, NH L cho bà B vay số tiền 2.500.000.000đ, (hai tỉ năm trăm triệu đồng) thời hạn vay 12 tháng, thời hạn nhận nợ không quá 05 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bán bếp ga và kinh doanh dầu mỡ hoá lỏng năm 2022 – 2023; lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, cụ thể được ghi trên Giấy đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ, mức lãi suất cho vay này được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng và được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày; phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất theo phương thức cố định trong 03 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 04 áp dụng lãi suất thả nổi. HĐ 67 được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp số HĐTC67C2020197-01 ngày 26/11/2020 (sau đây viết tắt là HĐTC 67) giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Mạnh H với NH L và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp PL01-HĐTC67C2020197-01 ngày 07/3/2022, theo đó tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 054233, do UBND huyện H cấp ngày 17/4/2002 cho hộ ông Nguyễn Mạnh H. Sau khi ký kết hợp đồng, NH L đã giải ngân đúng và đầy đủ số tiền 2.500.000.000đ cho bà Nguyễn Thị B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà B không thực hiện đúng cam kết và khoản vay đã quá hạn thanh toán, NH L đã nhiều lần đôn đốc bà B về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng đến nay bà B vẫn không thanh toán trả cho NH L. Do đó NH L khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm trả nợ cho NH L toàn bộ số tiền nợ gốc 2.250.000.000đ và lãi suất tính đến ngày xét xử, gồm:

+ Số dư nợ gốc tính đến ngày xét xử ngày 18/9/2023 của HĐTD 67 là 2.250.000.000; lãi quá hạn: 46.975.616đ; lãi chậm trả gốc là 324.762.842; lãi chậm trả lãi 4.267.567đ, Tổng số nợ gốc + lãi của HĐ 67 là: 2.623.006.025đ.

+ Thẻ Tín dụng số tiền nợ đã rút 13.335.137đ, lãi suất 20%, phí 987.805đ, thuế 98.781đ, lãi 8723.456. Tổng số nợ gốc + lãi là 23.145.179đ.

Tổng số nợ của HĐ 67 và thẻ tín dụng: 2.623.006.025đ+23.145.179đ= 2.649.151.204đ.

Trong trường hợp bà B không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, NH L đề nghị Tòa án giải quyết xử lý tài sản thế chấp của bà B, ông H để đảm bảo cho việc thanh toán nợ theo quy định của pháp luật..

- Bị đơn bà Nguyễn Thị B: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố H đã triệu tập bà B đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng qua xác minh nơi cư trú tại tổ 5, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang cung cấp: Những năm trước, vợ chồng ông H bà B có cư trú và mở cửa hàng bán ga tại tổ 5, thị trấn V, huyện H; đến đầu năm 2023 gia đình ông H đi về quê, sau đó vợ chồng ông H bà B không lên bán hàng nữa. Một thời gian sau thì ông H quan lại bán hết hàng và

mang hết tài sản trong nhà và đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay gia đình bà B ông H ở đâu, tổ nhân dân không được biết. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Mạnh H (chồng bà B) là người cùng bà B ký vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 67. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố H đã triệu tập ông H đến Tòa án để giải quyết vụ án ông H không đến và cũng đã cùng bà B đi khỏi nơi cư trú từ đầu năm 2023. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ, vẽ sơ đồ của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang ngày 10/8/2023 đối với diện tích đất của hộ ông Nguyễn Mạnh H đã dùng để thế chấp tại ngân hàng xác định cụ thể: 01 mảnh đất có diện tích 108,0m². Ranh giới, vị trí: Phía Đông bám mặt đường tỉnh lộ 177 có chiều rộng 4,2m; phía Tây giáp chân bờ kè Bệnh viện huyện H rộng 4,2m; phía Nam giáp đất ở của ông Lù Xuân H dài 26,0m; phía Bắc giáp đất ở của ông Nguyễn Văn N dài 25,5m, đã được UBND huyện H, tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận QSD đất số T 054293 ngày 17/4/2002; địa chỉ thửa đất: Khu phố III (nay là tổ 5), T.T V, huyện H, tỉnh Hà Giang, mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh H.

Tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4, một tầng đồ mái bằng kết hợp mái tôn chống nóng, tường xây gạch đỏ 220cm, diện tích 50,4m², nền lát gạch liên doanh 60 x 60cm cầu thang xây, ốp gạch liên doanh, lan can gỗ; cửa chính khuôn gỗ, hai cánh kính cường lực. 01 bếp tường xây gạch đỏ 220cm, mái lợp tôn, nền lát gạch liên doanh 60 x 60, diện tích 27,3m². 01 kho, tường xây gạch đỏ 110cm, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, diện tích 31,5m².

Theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện H, tỉnh Hà Giang ngày 10/8/2023 đã xác định diện tích 108,0m² có giá trị là 2.000.000.000đ; tài sản trên đất (nhà và các công trình xây dựng trên đất) có giá trị là 1.010.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là 3.011.000.000đ (*Ba tỷ không trăm mười một triệu đồng*).

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B hoàn trả số tiền gốc là 2.250.000.000đ của HĐTD 67 và lãi suất tính đến ngày xét xử 18/9/2023 là lãi quá hạn: 46.975.616đ; lãi chậm trả gốc là 324.762.842; lãi chậm trả lãi 4.267.567đ, Tổng số nợ gốc + lãi của HĐ 67 là: 2.623.006.025đ và nợ Thẻ Tín dụng số tiền nợ là 23.145.179đ. Tổng số nợ của HĐ 67 và thẻ tín dụng: 2.623.006.025đ + 23.145.179đ = 2.649.151.204đ. Trường hợp bà B không thực hiện việc trả nợ, ngân hàng sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra

xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Mạnh H không thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, vi phạm khoản 15 Điều 70, Điều 72, Điều 73 BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 280, 288, 299, 317, 319, 322, 357, 463, 466, 500 - Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm g khoản 1 Điều 179- Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền nợ cho ngân hàng BĐ L tổng số nợ của HĐ 67 và thẻ tín dụng: $2.623.006.025đ + 23.145.179đ = 2.649.151.204đ$. Trường hợp bà B không thực hiện việc trả nợ, ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên bán tài sản bảo đảm của bà B, ông H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà B phải chịu chi phí thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật. Do NH L đã nộp tạm ứng nên bà B phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền chi phí thẩm định, định giá cho NH L.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn NH L; địa chỉ: Tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B có địa chỉ tại tổ 5, T.T V, huyện H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về việc vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Mạnh H, hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nguyên đơn biết được coi là cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố H đã niêm yết các văn bản của Tòa án theo thủ tục tố tụng nhưng bà B, ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà B, ông H là có căn cứ.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: NH L cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền vay 2.500.000.000đ (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*), mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bán bếp gas và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng năm 2022 – 2023. Chủ thể ký kết HĐ 67 là tổ chức và cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại, loại việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án: Ngày 07/3/2022, NH L và bà Nguyễn Thị B ký HĐ 67, theo nội dung của HĐ 67, NH L cho bà B vay số tiền 2.500.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bán bếp gas và kinh doanh dầu mỏ hoá lỏng năm 2022 – 2023; lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, cụ thể được ghi trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ, mức lãi suất cho vay này được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng và được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày; phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất theo phương thức cố định trong 03 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 04 áp dụng lãi suất thả nổi. Việc ký kết hợp đồng được hai bên thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, HĐ 67 nêu trên hợp pháp, có căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[5]. Tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay tại NH L, giữa NH L, bà B, ông H (chồng bà B) đã ký kết HĐTC67 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp PL01-HĐTC67C2020197-01 ngày 07/3/2022, theo đó tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 054233, do UBND huyện H cấp ngày 17/4/2002 cho hộ ông Nguyễn Mạnh H. Trong sổ hộ khẩu hộ ông Nguyễn Mạnh H bao gồm ông H, bà B và anh Nguyễn Quang Huy, sinh năm 1996 là con trai của ông H bà B. Tại biên bản thỏa thuận ngày 25/11/2020, ông H, bà B, anh Huy cùng thỏa thuận nội dung: Thống nhất, đồng ý uỷ quyền cho ông H và bà B được toàn quyền sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên để thế chấp vào Ngân hàng để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của bà B, ông H đối với NH L. Nội dung uỷ quyền của ông H, bà B, anh Huy là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Tòa án không đưa anh Huy vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[6]. Quá trình thực hiện HĐ 67, NH L thực hiện đúng nghĩa vụ, giải ngân cho bà B số tiền 2.500.000.000đ. Bà B đã nhận đủ số tiền vay nhưng sau đó không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm cam kết trả nợ. Đồng thời sử dụng thẻ tín dụng không thanh toán cho ngân hàng. NH L đã nhiều lần yêu cầu bà B trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng bà B không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Như vậy, ngày 26/10/2022, NH L ban hành Quyết định số 179A/2023/QĐ-LPBHSP về việc thu hồi toàn bộ khoản vay khách hàng bà Nguyễn Thị B do vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với HĐTD 67 là phù hợp, đúng quy định.

[7]. Xét yêu cầu của NH L đề nghị bà B phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất chưa thanh toán theo HĐ 67 và Thẻ tín dụng đã ký kết là có cơ sở, bởi lẽ: Sau khi ký kết HĐ 67 và vay qua Thẻ tín dụng, bà B đã vay được tiền nhưng không trả nợ theo thỏa thuận, để phát sinh nợ quá hạn trả cả gốc và lãi từ ngày 15/10/2022 đến nay, vi phạm nội dung thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và nợ thẻ tín dụng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH L. Buộc bà Nguyễn Thị B phải có trả số nợ gốc của HĐ 67 là 2.250.000.000đđ và lãi suất tính đến ngày xét xử 18/9/2023 cụ thể: Lãi quá hạn: 46.975.616đ; lãi chậm trả gốc là 324.762.842; lãi chậm trả lãi 4.267.567đ, tổng số nợ gốc + lãi của HĐ 67 là: 2.623.006.025đ. Thẻ Tín dụng số tiền nợ đã rút 13.335.137đ, lãi suất 20%, phí 987.805đ, thuế 98.781đ, lãi 8723.456, tổng số nợ gốc + lãi của Thẻ tín dụng là 23.145.179đ. Tổng số nợ của HĐ 67 và thẻ tín dụng: 2.623.006.025đ + 23.145.179đ= 2.649.151.204đ (*Hai tỉ sáu trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi một nghìn hai trăm linh bốn đồng*).

[8]. Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của bà Nguyễn Thị B. Tại HĐTC67 giữa bà B, ông H với NH L và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp PL01-HĐTC67C2020197-01 ngày 07/3/2022. Theo nội dung HĐTC 67, bà B và ông H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 108,0m² đất ở tại khu phố III (nay là tổ 5) thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang, thửa số 22, tờ bản đồ số 20; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xây cấp 4, một tầng và các công trình xây dựng trên đất, đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSDĐ số T 054293 ngày 17/4/2002 mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh H. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm vay vốn là 2.296.000.000đ. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng và đăng ký bảo đảm theo quy định của pháp luật, nên có hiệu lực thi hành.

[9]. Theo nội dung của HĐTC 67 nêu trên, tại Điều 5 quy định: “Bên nhận thế chấp và/hoặc LienVietPostBank có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, kể cả trường hợp trả nợ trước hạn

...Bên thế chấp vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, cam kết nào quy định tại hợp đồng này...”

[10]. Như vậy, bên nhận thế chấp (Ngân hàng) có quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên thế chấp (bà B) vi phạm hợp đồng cấp tín dụng. Trên thực tế do bà B

đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo HĐ 67 đã ký với ngân hàng nên cần phát mại tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất là nhà và một số công trình xây dựng trên đất. Số tiền phát mại được ưu tiên thanh toán toàn bộ số nợ của bà B theo HĐ 67 và Thẻ tín dụng, nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là bà B, ông H nếu thiếu bà B phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, yêu cầu về việc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của NH L nêu ra là có căn cứ chấp nhận.

[11]. Bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình, do đó tòa án không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[12]. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Yêu cầu thẩm định, định giá tài sản của Ngân hàng là có căn cứ, nên bà B phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Do NH L đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản 10.000.000đ, nên buộc bà B phải hoàn trả số tiền 10.000.000đ chi phí thẩm định, định giá cho NH L.

[13]. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm đ mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho NH L toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[14]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 3 Điều 144, Điều 147, 157, 158, 165, 166, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 280, 288, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 500 - Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng vào điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ vào Điều 3 NĐ số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm đ mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Xử: Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang số tiền nợ của HĐ 67 tính đến ngày xét xử 18/9/2023 cụ thể: Nợ gốc của HĐ 67 là 2.250.000.000đ và lãi suất quá hạn: 46.975.616đ; lãi chậm trả gốc là 324.762.842; lãi chậm trả lãi 4.267.567đ, tổng số

nợ gốc + lãi của HĐ 67 là: 2.623.006.025đ. Số nợ Thẻ Tín dụng nợ đã rút 13.335.137đ, lãi suất 20%, phí 987.805đ, thuế 98.781đ, lãi 8723.456, tổng số nợ gốc + lãi của Thẻ tín dụng là 23.145.179đ. Tổng số nợ của HĐ 67 và Thẻ tín dụng là: 2.623.006.025đ + 23.145.179đ = 2.649.151.204đ (*Hai tỉ sáu trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi một nghìn hai trăm linh bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với NH L thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị B đối với NH L - Chi nhánh Hà Giang đó là: Quyền sử dụng diện đất 108,0m²; ranh giới, vị trí: Phía Đông bóm mặt đường tỉnh lộ 177 có chiều rộng 4,2m; phía Tây giáp chân bờ kè Bệnh viện huyện H rộng 4,2m; phía Nam giáp đất ở của ông Lù Xuân Hạng dài 26,0m; phía Bắc giáp đất ở của ông Nguyễn Văn Nói dài 25,5m; địa chỉ thửa đất: Khu phố III (nay là tổ 5), T.T V, huyện H, tỉnh Hà Giang, đã được UBND huyện H, tỉnh Hà Giang cấp GCNQSD đất số T 054293 ngày 17/4/2002; mang tên hộ ông Nguyễn Mạnh H. Tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 4, một tầng đổ mái bằng kết hợp mái tôn chống nóng, tường xây gạch đỏ 220cm, diện tích 50,4m², nền lát gạch liên doanh 60 x 60cm cầu thang xây, ốp gạch liên doanh, lan can gỗ; cửa chính khuôn gỗ, hai cánh kính cường lực. 01 bếp tường xây gạch đỏ 220cm, mái lợp tôn, nền lát gạch liên doanh 60 x 60, diện tích 27,3m². 01 kho, tường xây gạch đỏ 110cm, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, diện tích 31,5m² (*Có sơ đồ chi tiết kèm theo*). Số tiền phát mại tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán cho toàn bộ khoản nợ của bà Nguyễn Thị B theo HĐ 67 và Thẻ tín dụng nếu còn thừa sẽ được trả lại cho bên thế chấp là bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Mạnh H, nếu thiếu bà Nguyễn Thị B phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang.

4. Về chi phí Thẩm định: Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 10.000.000đ. Do Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang đã nộp tạm ứng số tiền này, nên bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tạm ứng chi phí thẩm định định giá.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 84.983.024đ (*Tám mươi tư triệu chín trăm tám mươi ba nghìn không trăm hai mươi bốn đồng*)

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L - Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 40.353.000đ (*Bốn mươi triệu ba năm trăm năm mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0000907 ngày 21/3/2023.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang.
- VKSND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh B